

Phát triển vốn từ vựng tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

Nguyễn Hải Quỳnh*

*ThS. Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

Received: 9/9/2023; Accepted: 14/9/2023; Published: 20/9/2023

Abstract: Vocabulary is a top priority in learning a foreign language. Students need to be aware of the limitations and difficulties in vocabulary learning to use English proficiently. Therefore, appropriate solutions can be proposed to contribute to the development of vocabulary for students, especially those majoring in English Language.

Keywords: Vocabulary, English, students, Thai Nguyen University of Sciences

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, cùng với xu thế quốc tế hóa, toàn cầu hóa, việc biết và sử dụng ngoại ngữ ngày càng trở thành yêu cầu cấp thiết đối với mỗi cá nhân trong cuộc sống cũng như công việc. Tiếng Anh là ngôn ngữ phổ biến trong giao tiếp quốc tế, được sử dụng rộng rãi trong các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa trên khắp thế giới. Việc sử dụng thành thạo tiếng Anh giúp sinh viên (SV) có cơ hội việc làm phong phú, dễ dàng tiếp cận với khối lượng tri thức và thông tin mang tính toàn cầu. Đối với SV ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên, chúng tôi tập trung đào tạo SV có thể sử dụng thành thạo ngoại ngữ, có hiểu biết về văn hóa, phục vụ cho yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước trong giai đoạn hiện nay. Trong quá trình đào tạo, chúng tôi tập trung phát triển vốn từ vựng cho SV ngành Ngôn ngữ Anh, đặc biệt là năm thứ nhất nhằm giúp SV có vốn từ vựng phong phú để tiếp tục trong các năm học tiếp theo tại khoa với mục tiêu đa dạng vị trí công việc cho SV lựa chọn sau khi tốt nghiệp cả trong và ngoài nước.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. *Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:* Nghiên cứu của chúng tôi tập trung vào đối tượng là SV năm thứ nhất ngành ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên trong năm học 2022 - 2023.

2.1.2. *Phương pháp nghiên cứu*

- *Phương pháp điều tra bảng hỏi:* Để tìm hiểu thực trạng vốn từ vựng và việc học từ vựng của SV ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Khoa học,

chúng tôi đã sử dụng công cụ nghiên cứu là bảng hỏi. Bảng hỏi được thực hiện trực tuyến thông qua công cụ khảo sát Google form. Bảng hỏi định dạng để mỗi cá nhân chỉ được trả lời câu hỏi một lần.

- *Phương pháp quan sát:* Trên cơ sở quan sát SV trong quá trình giảng dạy và kiểm tra kết quả của SV sau mỗi buổi học, các kỳ học, chúng tôi đưa ra những nhận định, đánh giá và giải pháp góp phần nâng cao năng lực nắm bắt và ghi nhớ từ vựng của SV năm thứ nhất ngành Ngôn ngữ Anh.

- *Phương pháp phân tích và tổng hợp:* Chúng tôi sử dụng phương pháp này để phân tích các tài liệu có liên quan đến việc học và phát triển vốn từ vựng của SV để có quan điểm và cách thức đúng đắn về giải pháp phát triển vốn từ vựng cho SV ngành Ngôn ngữ Anh.

2.2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.2.1. *Kết quả nghiên cứu*

Để tìm hiểu về thực trạng vốn từ vựng và việc học từ vựng của SV, chúng tôi tiến hành khảo sát 80 SV năm thứ nhất của ngành Ngôn ngữ Anh.

Theo quy định tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học, SV ngành Ngôn ngữ Anh có tổ hợp xét tuyển là D01, D14, D15, D66. Các tổ hợp xét tuyển đều có môn Tiếng Anh là điều kiện nên nhìn chung, SV năm thứ nhất của ngành Ngôn ngữ Anh đã bước đầu có vốn từ vựng khá tốt so với SV toàn trường. Tuy nhiên, để có thể sử dụng thành thạo ngoại ngữ phục vụ công việc sau này và đáp ứng chuẩn đầu ra theo quy định đào tạo của nhà trường thì sinh viên ngành ngôn ngữ Anh cần có một lộ trình học tập thích hợp. Sinh viên ngành ngôn ngữ Anh đào tạo tại trường cần đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ Bậc 5 đối với ngôn ngữ được đào tạo chính (tiếng Anh). Mặc

dù đa dạng các văn bản, chứng chỉ được công nhận nhưng yêu cầu chung là đòi hỏi sinh viên thông thạo cả 4 kỹ năng nghe - nói - đọc - viết và có năng lực sử dụng ngoại ngữ trong nhiều môi trường khác nhau.

Đối với SV ngành Ngôn ngữ Anh, từ vựng được coi như chìa khóa để có thể sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong học tập và công việc sau này. Saleh lập luận việc sử dụng thành thạo một ngôn ngữ quyết định bởi lượng từ vựng người đó đã học được (Saleh,1997). Do vậy, việc học và tăng cường vốn từ vựng là yêu cầu quan trọng đầu tiên đối với SV ngành Ngôn ngữ Anh.

Về nguồn học từ vựng của SV, qua điều tra chúng tôi ghi nhận như sau (bảng 2.1).

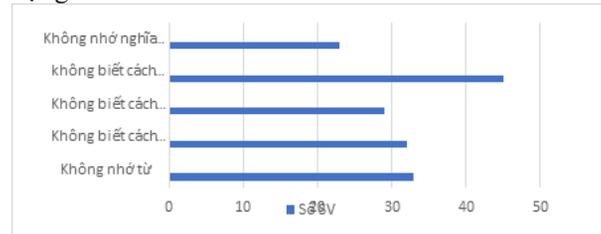
Bảng 2.1: Nguồn học từ vựng của SV

TT	Nguồn học từ vựng	Số SV	Tỷ lệ %
1	Sách giáo khoa, giáo trình	76	95
2	Sách từ vựng	34	42.5
3	Từ điển	7	8.75
4	Đọc sách, báo tiếng Anh	13	16.25
5	Phim, bài hát	27	33.75
6	Nguồn khác	15	18.75

Kết quả khảo sát ở bảng 2.1 cho thấy nguồn học từ vựng của SV ngành Ngôn ngữ Anh trong trường khá thụ động. Phần lớn SV đều học từ mới ở sách giáo khoa, giáo trình được cung cấp trong quá trình học trên lớp, một số lựa chọn các sách từ vựng. Lợi thế của những tài liệu này là từ mới thường theo chủ đề, được sắp xếp phù hợp với trình độ và chương trình học, SV dễ dàng hiểu được từ và nghĩa của từ. Tuy nhiên, nguồn tài liệu này chỉ giúp SV nhớ từ và nghĩa, không thường kèm tình huống hoặc cách sử dụng nên SV có thể sẽ dễ quên hoặc không biết cách sử dụng từ. Một số SV có học từ mới qua phim, bài hát nhưng số lượng không nhiều (33,75%). Đặc biệt, hầu như SV không sử dụng từ điển khi học từ vựng, trong khi từ điển cung cấp khá chi tiết về loại từ và cách sử dụng từ trong một số trường hợp thông dụng. Trong quá trình dạy, chúng tôi khuyến khích SV sử dụng những từ điển có tính chuẩn mực và tính ứng dụng cao như Cambridge Dictionary để SV hiểu được chính xác nghĩa và cách sử dụng của từ. Bên cạnh những nguồn truyền thống, để làm phong phú vốn từ vựng, chúng tôi cũng khuyến khích SV học từ vựng từ nhiều nguồn khác, nhất là từ internet. Đây là kênh thông tin với lượng kiến thức khổng lồ và có thể truy cập mọi lúc, mọi nơi, SV có thể tận dụng các website, các ứng dụng để cải thiện vốn từ vựng của bản thân.

Cũng trong quá trình giảng dạy, chúng tôi nhận

thấy SV gặp một số khó khăn sau đây khi học từ vựng:



Biểu đồ 2.1: Khó khăn của SV khi học từ vựng

Có thể thấy, SV gặp khá nhiều khó khăn trong việc học từ vựng và các khó khăn này xuất hiện tương đương trong tổng số SV. Nhiều SV lựa chọn không biết cách phát âm trong quá trình học. Đây là hệ quả khá lớn để lại từ những cấp học dưới. Trong quá trình giảng dạy trực tiếp, chúng tôi nhận thấy khá đông SV không biết phát âm hoặc phát âm sai, những lỗi sai thường rất khó sửa do trước đó SV đã quen với cách đọc từ của giáo viên các cấp học dưới. Hệ quả tiếp theo là SV không nói và nghe được các bài học có sử dụng từ đó. Theo Cloud và Hamayan thì năng lực ngôn ngữ được hiểu là khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác và thích hợp ở dạng nói và viết trong nhiều môi trường khác nhau (Cloud, Genesee, & Hamayan, 2000). SV muốn thành thạo ngôn ngữ thì không chỉ cần biết viết mà còn phải biết sử dụng từ đó trong hoạt động nghe, nói. Hai kỹ năng này giúp SV phát âm chính xác từ. Việc dạy phát âm cho SV ngành ngôn ngữ Anh cũng được chúng tôi chú trọng trong quá trình đào tạo. Tuy nhiên, do đã quen với cách phát âm cũ nên nhìn chung, SV còn gặp khá nhiều cản trở khi phải học phát âm lại từ đầu. Ngoài khó khăn về phát âm, SV còn không nhớ được nghĩa của từ, nhất là nghĩa của từ gắn với các tình huống cụ thể; không biết cách biến đổi dạng từ dẫn đến dùng từ không đúng hoặc không biết dùng từ theo ngữ cảnh.

Cũng từ những khó khăn trên, khảo sát của chúng tôi cũng cho kết quả về cách thức SV học từ vựng như sau:

Bảng 2.2: Cách học từ vựng của SV

TT	Cách thức học từ vựng	Số SV	Tỷ lệ %
1	Chép lại từ theo chủ đề	70	87.5
2	Học theo mối liên hệ của từ	23	28.75
3	Học theo ngữ cảnh	21	26.25
4	Làm bài kiểm tra từ vựng	45	56.25
5	Sử dụng take-note	32	40
6	Học qua ứng dụng trên điện thoại	16	20

Đa số SV lựa chọn việc chép lại từ mới đã được học để ghi nhớ từ, việc làm các bài kiểm tra từ vựng

và sử dụng take-note cũng được đa số SV lựa chọn. Cách làm này có thể giúp SV nhớ được nhiều từ nhưng lại không nhớ được mối liên hệ hoặc cách sử dụng từ một cách hiệu quả. Ausubel (Omaggio trích dẫn, 1993) cho rằng học thuộc lòng chỉ đơn giản là ghi nhớ danh sách các từ, theo đó thông tin thu nhận mang tính tạm thời và dễ dàng bị mất. Còn học mang tính tư duy xảy ra khi thông tin được trình bày trong bối cảnh tương ứng với những gì người học đã biết, nhờ đó có thể dễ dàng tích hợp thông tin đó vào cấu trúc nhận thức hiện có của người học. Với mục tiêu biết và sử dụng từ có hiệu quả, chúng tôi khuyến khích SV sử dụng linh hoạt các phương pháp học tập, nhất là đặt từ trong ngữ cảnh để có thể nhớ được các nghĩa cũng như cách sử dụng của từ.

2.2.2. Giải pháp phát triển vốn từ vựng cho SV năm thứ nhất ngành ngôn ngữ Anh

Qua kết quả khảo sát trên, có thể thấy cách học từ vựng của SV còn khá thụ động. SV chủ yếu dựa vào nguồn tài liệu là sách giáo trình, giáo khoa được cung cấp trong quá trình học, cách thức học chủ yếu là thông qua việc chép lại từ mới. Cách học này khiến SV dễ quên từ, không biết cách sử dụng từ trong các ngữ cảnh khác nhau. Từ thực trạng trên, chúng tôi kiến nghị một số giải pháp phát triển vốn từ vựng cho SV như sau:

Thứ nhất, cung cấp cho SV giáo trình từ vựng phù hợp với yêu cầu của SV năm thứ nhất và phục vụ cho việc củng cố, phát triển và nâng cao vốn từ vựng cho SV chuyên ngành Ngôn ngữ Anh. Với SV năm thứ nhất, chúng tôi sử dụng giáo trình English Vocabulary and Use Elementary để cung cấp, mở rộng vốn từ vựng của SV ở trình độ sơ cấp (A2). Với 60 bài học, cung cấp khoảng 1.250 từ mới và cụm từ có hình ảnh minh họa, có bài luyện tập để củng cố từ vựng, cách sử dụng... Chúng tôi đánh giá giáo trình này phù hợp với các hoạt động trên lớp và tự học của SV, giúp SV vừa có thể tự học, tự củng cố từ vựng qua các hoạt động được thiết kế trong sách.

Thứ hai, khuyến khích SV học từ vựng qua video, phim, bài hát, các ứng dụng... để đa dạng nguồn học từ vựng cũng như thuận lợi cho quá trình tự học. Theo quan sát của chúng tôi, việc SV đọc được những trích dẫn ngắn từ internet, các câu chuyện ngắn hay xem các video, phim... thường giúp SV ghi nhớ từ tốt hơn, việc sử dụng từ vựng cũng tương đối linh hoạt và hiệu quả. Cách học này cũng giảm bớt áp lực và tạo nhiều hứng thú cho SV. Tuy nhiên, chúng tôi cũng đưa ra những chỉ dẫn cần thiết để SV lựa chọn những chủ đề hoặc nội dung phù hợp với trình độ để dễ

dàng tiếp cận với từ vựng.

Thứ ba, tích cực áp dụng những phương pháp dạy và học tích cực trên lớp giúp SV ghi nhớ từ mới được học. Chúng tôi khuyến khích SV sử dụng thẻ từ vựng để ghi nhớ từ một cách hiệu quả. Đối với SV tương đối năng động và có khả năng thích ứng nhanh với công nghệ thông tin, chúng tôi hướng dẫn SV sử dụng website và ứng dụng Quizlet trên điện thoại để tiếp cận việc học từ vựng thông qua những trò chơi thú vị, giúp SV nhớ lâu hơn những từ đã được học. Trong quá trình dạy, thông qua việc yêu cầu SV đọc từ vựng, chúng tôi cũng khắc phục được lỗi phát âm để SV có thể tự tin trong hoạt động nghe, nói. Chúng tôi thường xuyên yêu cầu SV tra cứu từ điển để có được sự hiểu biết về từ một cách đầy đủ nhất.

Thứ tư, xây dựng hệ thống bài kiểm tra, đánh giá theo từng giai đoạn, đảm bảo tính liên tục, hiệu quả trong quá trình học. Một trong những hạn chế lớn của SV là dễ quên từ nếu không thường xuyên sử dụng. Từ thực tiễn giảng dạy, chúng tôi nhận thấy chỉ sau một tuần, thậm chí một vài ngày SV đã quên phần lớn từ vựng đã học. Để giúp SV nhớ từ, chúng tôi thường thiết kế các bài kiểm tra ngắn trong hầu hết các buổi học với nhiều hình thức kiểm tra khác nhau. Việc kiểm tra có khuyến khích sẽ giúp SV có ý thức và tích cực trong việc ghi nhớ từ và cố gắng sử dụng để hạn chế quên từ trong quá trình học.

3. Kết luận

Việc học, ghi nhớ và sử dụng từ vựng là yêu cầu thiết yếu trong việc học tập một ngôn ngữ. SV năm thứ nhất ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Khoa học mặc dù có điểm tiếng Anh đầu vào cao hơn so với SV các khoa khác nhưng cũng gặp một số khó khăn khi học từ vựng để đáp ứng yêu cầu của cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh sau quá trình học. Một số giải pháp như cung cấp giáo trình phù hợp, khuyến khích SV tiếp cận các nguồn học từ vựng phong phú, có phương pháp dạy và học thích hợp, kiểm tra, đánh giá phù hợp sẽ tạo động lực để SV nâng cao vốn từ vựng phục vụ cho việc sử dụng có hiệu quả tiếng Anh trong thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

1. Saleh, Y. (1997), *Methodology of TEFL in the Indonesian Context Book 1*. Palembang: University of Sriwijaya.
2. Omaggio, M.A.(1993), *Teaching Language in context*. Boston: Heinle and Heinle.
3. Cloud, N., Genesee, F., &Hamayan, E., (2000), *Dual language instruction: A handbook for enriched education*. Boston: Heinle and Heinle.